

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BỘ TƯ PHÁP

SỔ

ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI

Cơ quan đăng ký nuôi con nuôi ⁽¹⁾:

.....

.....

Quyển số ⁽²⁾:

Ngày mở ⁽³⁾:tháng.....năm.....

Ngày khóa ⁽⁴⁾:tháng.....năm.....

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Tên “Cơ quan đăng ký nuôi con nuôi¹” phải được ghi rõ tại trang bìa của sổ:

- Sổ đăng ký nuôi con nuôi của Ủy ban nhân dân cấp xã thì phải ghi đủ tên địa danh 02 cấp hành chính (cấp xã, cấp tỉnh);

- Sổ đăng ký nuôi con nuôi của Sở Tư pháp thì ghi tên của Sở Tư pháp và địa danh hành chính cấp tỉnh;

- Sổ đăng ký nuôi con nuôi của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì ghi tên của Cơ quan đại diện Việt Nam.

2. Mục “Quyển số²” ghi số thứ tự của Sổ đăng ký nuôi con nuôi trong năm, trường hợp hết sổ mà chưa hết năm thì sử dụng sang quyển sổ khác và ghi số thứ tự tiếp theo; Mục “Ngày mở³” ghi ngày đăng ký sự kiện nuôi con nuôi đầu tiên của sổ; Mục “Ngày khóa⁴” ghi ngày đăng ký sự kiện nuôi con nuôi cuối cùng của sổ, trường hợp chưa hết sổ mà hết năm thì ngày khóa sổ là ngày 31 tháng 12.

3. “Số đăng ký⁵” là số thứ tự ghi vào sổ và năm đăng ký (ví dụ: số 01/2025).

Sổ đăng ký trong sổ phải được ghi liên tục từ số 01 đến hết năm, không được bỏ trống, không được để trùng số. Nếu hết sổ mà chưa hết năm thì sử dụng sang quyển sổ khác và ghi tiếp theo số thứ tự cuối cùng của sổ trước, không ghi lại từ số 01. Nếu sổ được sử dụng tiếp cho năm sau, thì số thứ tự của năm sau phải bắt đầu từ số 01, không được lấy tiếp số thứ tự của năm trước.

Sổ phải đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối ngay tại thời điểm mở sổ.

4. “Ngày, tháng, năm đăng ký⁶” là ngày, tháng, năm ghi vào sổ.

5. Năm đăng ký bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 cho đến hết ngày 31 tháng 12. Hết năm đăng ký phải thực hiện khóa sổ, thống kê tổng số sổ đã sử dụng, tổng số sự kiện nuôi con nuôi đã đăng ký trong năm, các trường hợp có sửa chữa do ghi chép sai sót, số trang bị bỏ trống (nếu có) vào trang liền kề với trang đăng ký cuối cùng của năm; ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức danh; có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan đăng ký nuôi con nuôi.

6. Sổ được sử dụng để ghi thông tin về việc đăng ký nuôi con nuôi, đăng ký lại việc nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi theo quyết định của tòa án nhân dân có thẩm quyền, việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và những thông tin thay đổi, cải chính sau này.

7. Người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi phải nghiên cứu kỹ nội dung Thông tư và phần “Hướng dẫn sử dụng” trong Sổ đăng ký nuôi con nuôi để thực hiện đầy đủ, chính xác và thống nhất.

Người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi phải tự mình ghi vào sổ, nội dung ghi phải chính xác, theo đúng hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi. Không tự ý tẩy xóa, sửa chữa, bổ sung làm sai lệch nội dung đã ghi trong sổ.

Chữ viết phải rõ ràng, đủ nét, không viết tắt, không tẩy xóa; viết bằng loại mực tốt, cùng một màu; không dùng các màu mực khác nhau; không dùng mực đỏ.

8. Họ, chữ đệm, tên của cha, mẹ nuôi, con nuôi và người giao con nuôi phải ghi bằng chữ in hoa theo đúng Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Hộ chiếu/Giấy khai sinh hoặc giấy tờ có giá trị thay thế khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng.

Mục Nơi sinh của con nuôi ghi đầy đủ theo Giấy khai sinh của con nuôi.

Nơi cư trú ở trong nước ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú và ghi đủ 02 cấp hành chính (cấp xã, cấp tỉnh); trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi, nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo địa chỉ đăng ký tạm trú. Nếu con nuôi sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì ghi tên và địa chỉ trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng. Trường hợp cơ sở nuôi dưỡng có nhiều cơ sở trực thuộc thì ghi tên và địa chỉ trụ sở của cơ sở trực thuộc nơi trẻ em sống.

Trường hợp người nhận con nuôi cư trú ở nước ngoài thì ghi theo nơi thường trú ở nước ngoài. Trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm mà chưa được cấp thẻ thường trú thì ghi cả địa chỉ thường trú ở nước ngoài và địa chỉ tạm trú ở Việt Nam.

Đối với Hộ chiếu, phải ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 20/02/2025.

9. Người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi cần đánh dấu vào các ô phù hợp tại cột bên phải tương ứng với phần ghi về người nhận con nuôi, con nuôi và người giao con nuôi.

10. Mục “Căn cứ ghi vào sổ⁷”, tùy theo từng loại việc, người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi cần đánh dấu vào ô tương ứng và ghi đầy đủ thông tin.

11. Mục “Ghi chú⁸” để ghi thông tin trong trường hợp việc nuôi con nuôi đã chấm dứt theo quyết định của tòa án nhân dân có thẩm quyền; thông tin thay đổi, cải chính hộ tịch sau này; thông tin sửa chữa, cải chính trong trường hợp có sai sót khi ghi sổ.

12. Đối với trường hợp ghi vào sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài và đăng ký lại việc nuôi con nuôi, người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi ghi đầy đủ thông tin về người nhận con nuôi (cha nuôi, mẹ nuôi), con nuôi và đánh dấu vào ô tương ứng tại mục “Ghi chú”; những nội dung liên quan đến người giao con nuôi, chữ ký của người giao con nuôi và người nhận con nuôi trong sổ được bỏ trống.

Nếu người nhận con nuôi hoặc người giao con nuôi là vợ hoặc chồng đã ủy quyền cho người kia có mặt tại lễ giao nhận con nuôi theo quy định pháp luật thì chỉ người có mặt tại lễ giao nhận ký tên vào bên giao.

13. “Người thực hiện⁹” là người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi.

Số đăng ký⁽⁵⁾: Ngày, tháng, năm đăng ký⁽⁶⁾:/...../.....

1. Phần ghi về người nhận con nuôi:	
Cha nuôi:	
Họ, chữ đệm, tên	
Ngày, tháng, năm sinh	
Quốc tịch	
Số định danh cá nhân/Hộ chiếu	
Nơi cư trú	
Mẹ nuôi:	
Họ, chữ đệm, tên	
Ngày, tháng, năm sinh	
Quốc tịch	
Số định danh cá nhân/Hộ chiếu	
Nơi cư trú	

☐ Cha dượng
☐ Chú, cậu, bác ruột
☐ Khác

☐ Mẹ kế
☐ Cô, dì, bác ruột
☐ Khác

2. Phần ghi về con nuôi:		☐ Con riêng ☐ Cháu ruột ☐ Trẻ em bị bỏ rơi ☐ Trẻ em mồ côi ☐ Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác ☐ Trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng ☐ Trẻ em sống tại gia đình ☐ Trẻ em sống ở nơi khác ☐ Trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo
Họ, chữ đệm, tên: Giới tính: Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch: Nơi sinh: Số định danh cá nhân: Nơi cư trú:		
3. Phần ghi về người giao con nuôi:		☐ Cha đẻ ☐ Người giám hộ ☐ Đại diện cơ sở nuôi dưỡng ☐ Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với trẻ em bị bỏ rơi chưa được đưa vào cơ sở nuôi dưỡng) ☐ Mẹ đẻ ☐ Người giám hộ ☐ Đại diện cơ sở nuôi dưỡng ☐ Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với trẻ em bị bỏ rơi chưa được đưa vào cơ sở nuôi dưỡng)
Ông:		
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số định danh cá nhân/Hộ chiếu		
Bà:		
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số định danh cá nhân/Hộ chiếu		

